

Số: *2017*/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày *21* tháng *6* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt
theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, gồm: cấu trúc đề thi và quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học Quốc gia, đại học vùng; Giám đốc học viện; Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thủ trưởng cơ sở đào tạo tiếng Việt thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thủ trưởng cơ sở đánh giá năng lực tiếng Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục KTKDCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Vinh Hiển

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2007/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 6: Hiểu được thông tin chính, thông tin chi tiết, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và nghe, suy luận từ thông tin trong bài.	60 phút, gồm cả thời gian trả lời các câu hỏi trong bài thi.	4 phần, 55 câu hỏi nhiều lựa chọn.	Bài nghe gồm: Những lời nói ngắn, đơn giản; các hướng dẫn, thông báo; các đoạn hội thoại; bài nói chuyện, bài giảng từ đơn giản đến phức tạp về những vấn đề chung, những vấn đề học thuật. Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong các phương án trả lời cho trước của từng câu hỏi.
Đọc	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 6: Từ mức độ hiểu được những nội dung đơn giản đến nội dung phức tạp, từ đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc đến những văn bản dài và phức tạp; gồm: Đọc	60 phút, gồm cả thời gian trả lời các câu hỏi trong bài thi.	2 phần, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Bài đọc gồm hai phần: Phần 1 đọc về những vấn đề chung, thường gặp trong đời sống hàng ngày. Phần 2 đọc về những vấn đề khoa học, văn chương, báo chí. Trong mỗi phần có thể gồm một hoặc hai, ba đoạn trích văn bản. Sau mỗi đoạn trích sẽ có các câu hỏi. Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong các phương

	hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả hoặc nhân vật trong bài, suy luận được ý từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.			án trả lời cho trước của từng câu hỏi.
Nói	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nói khác nhau, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 6: Từ mức độ nói được một cách đơn giản với tốc độ chậm đến mức độ nói lưu loát, thuộc các dạng nói có tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề chung hay học thuật.	15 phút, không kể thời gian chuẩn bị	3 phần	Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 2 hoặc hơn 2 giải pháp. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong các giải pháp được đưa ra và phân biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề chung hoặc một chủ đề học thuật cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển các ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.
Viết	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Viết, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 6: Từ mức độ viết được những câu đơn giản đến viết được đoạn văn, bài luận có bố cục rõ ràng, logic,	60 phút	3 phần	Phần 1: Viết chính tả. Văn bản nguồn có độ dài khoảng 120 tiếng. Phần 2: Viết một bức thư thông thường hoặc thư điện tử có độ dài khoảng 120 tiếng. Phần 3: Viết một bài luận

	văn phong trôi chảy, phù hợp về những chủ đề phức tạp. Hình thức viết: Viết chính tả, viết có tương tác và viết luận.			khoảng 200 tiếng về một chủ đề chung hoặc chủ đề học thuật.
--	--	--	--	---

II. QUY ĐỔI ĐIỂM SANG CÁC BẬC NĂNG LỰC

1. Cách tính điểm

- Mỗi kỹ năng: Nghe, Đọc, Nói, Viết được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng: Làm tròn đến 0,5 điểm, được dùng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Việt. Thí sinh đạt 0 điểm của 1 trong 4 kỹ năng thì không quy đổi điểm sang các bậc năng lực trung bình.

2. Bảng quy đổi điểm sang các bậc năng lực

Điểm	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
1,0 - 1,5	1	Hiểu và sử dụng được các cấu trúc ngôn ngữ quen thuộc; sử dụng được các từ ngữ cơ bản để đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể: Tự giới thiệu bản thân và giới thiệu người khác; trình bày được những thông tin về bản thân như: Nơi sinh sống, người thân, bạn bè,... Có khả năng giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
2,0 - 3,5	2	Hiểu các câu và cấu trúc ngôn ngữ thường dùng, liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như: Thông tin về gia đình, bản thân, mua bán, hỏi đường, việc làm,... Có khả năng trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

mt ✓

4,0 - 5,5	3	Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong công việc, học tập, giải trí. Có khả năng xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến nơi có sử dụng tiếng Việt. Viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến những chủ đề quen thuộc mà mình quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong muốn và trình bày ngắn gọn được lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
6,0 - 7,0	4	Hiểu được ý chính của một văn bản tương đối phức tạp về những chủ đề khác nhau, kể cả những trao đổi có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có khả năng giao tiếp tự nhiên, trôi chảy với người Việt. Viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và nêu được quan điểm của mình về một vấn đề. Chỉ ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
7,5 - 8,5	5	Nhận biết và hiểu được hàm ý của những văn bản dài, có phạm vi nội dung rộng. Có khả năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không khó khăn khi tìm từ ngữ diễn đạt. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích quan hệ xã hội, mục đích học thuật và chuyên môn. Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết trong văn bản.
9,0 - 10	6	Dễ dàng hiểu hầu hết các văn bản nói và viết. Có khả năng tóm tắt được các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại và trình bày lại được một cách logic. Diễn đạt rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được những khác biệt tinh tế về ý nghĩa trong các tình huống phức tạp.